

Số: 267 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2024

**KẾT LUẬN THANH TRA**  
**Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động**  
**tại Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai**

Thực hiện Quyết định số 427/QĐ-TTr ngày 25/10/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 06/11/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 12/11/2024, báo cáo giải trình ngày 20/11/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP**

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Địa chỉ trụ sở chính: số 1B - D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600334112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 04/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17/07/2023.
- Ngành nghề: bốc xếp hàng hóa cảng biển; kho bãi và lưu kho bãi; vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy, đường sắt.
- Số điện thoại: 02513.832225; Fax: 02513.831259.
- Số tài khoản: 115000028701, mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp Biên Hòa.
- Tổng số chi nhánh/đơn vị hạch toán phụ thuộc: 02 chi nhánh.
- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp: 283 người.
- Doanh nghiệp đã có tổ chức công đoàn cơ sở.

**II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH**

**1. Các loại báo cáo định kỳ**

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động theo quy định, nhưng chưa thông báo đến cơ quan bảo hiểm xã hội nơi đặt trụ sở.
- Đã báo cáo định kỳ về công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quy định.

**2. Tuyển dụng và đào tạo lao động**

- Doanh nghiệp tự tuyển dụng người lao động.

1





- Số người lao động tuyển dụng trong thời kỳ thanh tra: 24 người.
- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.
- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.
- Việc ký kết hợp đồng đào tạo với người lao động, người học nghề, tập nghề để làm việc cho doanh nghiệp: 0 người.

### **3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động (HĐLĐ)**

#### **3.1. Giao kết HĐLĐ**

- Số người không thuộc diện phải giao kết HĐLĐ: 0 người.
- Số người thuộc diện phải giao kết HĐLĐ: 281 người.
- Số người đã giao kết HĐLĐ: 281 người, trong đó:
  - + HĐLĐ không xác định thời hạn: 237 người.
  - + HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 44 người.
  - + HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng: 0 người.
  - + HĐLĐ xác định thời hạn dưới 01 tháng: 0 người.
  - + HĐLĐ làm việc không trọn thời gian: 0 người.
- Số người chưa được giao kết HĐLĐ: 02 người, lý do: trong thời gian thử việc.

Kiểm tra 04 HĐLĐ đã giao kết với người lao động (các ông, bà: Lê Hoàng Bảo Hiếu, Vũ Ngọc Hiếu, Từ Mai Phương, Trần Thị Thanh Thủy) mục công việc phải làm ghi “các công việc khác do quản lý trực tiếp (hoặc ban Tổng giám đốc) giao cho trong phạm vi trách nhiệm và năng lực của vị trí”.

#### **3.2. Việc thực hiện chế độ đối với người lao động mất việc, thôi việc**

- Số lao động bị mất việc làm; việc trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động bị mất việc làm: không phát sinh.
- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.
- Số lao động thôi việc: 14 người, trong đó: 01 người đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc đã được doanh nghiệp trả số tiền là 17.993.000 đồng.

### **4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể (sau đây viết tắt là TULĐTT)**

- Doanh nghiệp đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc, không phát sinh đối thoại khi có vụ việc hoặc yêu cầu. Hồ sơ đối thoại định kỳ không thể hiện các bên có trách nhiệm gửi nội dung đối thoại cho bên tham gia đối thoại trước ngày đối thoại 05 ngày làm việc.



- Doanh nghiệp đã tổ chức thương lượng tập thể và ký TULĐTT ngày 08/4/2022 (thời hạn 03 năm), đã gửi TULĐTT đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai ngày 08/4/2022.

- Doanh nghiệp đã ban hành quy chế dân chủ cơ sở kèm Quyết định số 1247/QĐ-CĐN-TCNS ngày 19/4/2024 của Tổng giám đốc.

### **5. Tiền lương và trả công lao động**

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 4.960.000 đồng/tháng.

- Thu nhập thấp nhất của người lao động: 5.415.000 đồng/tháng; thu nhập cao nhất của người lao động: 19.996.000 đồng/tháng.

- Hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: theo thời gian đối với bộ phận văn phòng, theo sản phẩm đối với các bộ phận còn lại.

- Phương pháp trả lương: qua tài khoản ngân hàng. Người sử dụng lao động trả chi phí mở tài khoản và chuyển tiền lương.

- Doanh nghiệp đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động (Quyết định số 17/QĐ-HĐQT ngày 29/3/2022 của Hội đồng quản trị).

- Việc trả tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm: kiểm tra bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương tháng 9/2023 và tháng 4/2024, doanh nghiệp thực hiện theo quy định.

- Đã trả lương ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương theo quy định.

- Đã thanh toán tiền lương những ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm đối với người lao động thôi việc theo quy định.

- Tiền lương ngừng việc: không phát sinh.

- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động: không phát sinh.

- Tiền ăn ca mức: 35.000 đồng/người/ngày.

### **6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi**

- Doanh nghiệp áp dụng thời giờ làm việc: 08 giờ/ngày, không quá 48 giờ/tuần (nghỉ hằng tuần từ 01 đến 02 ngày vào cuối tuần) đối với khối văn phòng; 08 giờ/ngày, 48 giờ/tuần (nghỉ hằng tuần 01 ngày trong tuần) đối với khối sản xuất làm việc theo ca.

- Doanh nghiệp huy động người lao động làm thêm không vượt quá số giờ quy định (kiểm tra bảng chấm công tháng 4/2024, người làm thêm nhiều nhất là 39 giờ/tháng).

- Việc thực hiện các quy định về thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ lễ, tết, nghỉ hàng năm, nghỉ việc riêng: thực hiện theo quy định.

- Số ngày nghỉ hàng năm đối với lao động làm công việc bình thường: 12 ngày; công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 14 ngày; công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 16 ngày (chưa tính thâm niên).

### **7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất**

- Doanh nghiệp áp dụng Nội quy lao động ban hành kèm theo Quyết định số 1158/QĐ-CĐN-TCNS ngày 20/10/2022, đã đăng ký với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai.



- Số vụ việc đã xử lý kỷ luật lao động 01 vụ theo hình thức khiển trách; trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động theo quy định.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

## **8. Lao động đặc thù**

### **8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ**

- Tổng số lao động nữ: 57 người.

- Việc thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ:

+ Không bố trí lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

+ Đã thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

+ Không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt HĐLĐ đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.

+ Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Chưa giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

+ Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

### **8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên**

Doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

### **8.3. Đối với lao động là người nước ngoài**

Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.

### **8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi**

- Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật.

- Tổng số lao động là người cao tuổi: 02 người.

- Việc thỏa thuận rút ngắn thời gian làm việc hằng ngày hoặc áp dụng chế độ làm việc không trọn thời gian đối với người lao động cao tuổi: không phát sinh.

## **9. Khiếu nại và tranh chấp lao động: không phát sinh.**

## **10. An toàn lao động, vệ sinh lao động**

- Doanh nghiệp sử dụng 33 người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và 06 người lao động làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm; thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên, gồm 11 người (Quyết định số 1012/QĐ-CĐN-HCTH ngày 27/9/2024 của Tổng giám đốc), trong đó có 02 Phó trưởng ban, 01 Đội trưởng; chưa thống nhất với Ban chấp hành công đoàn cơ sở mức phụ cấp trách nhiệm của an toàn, vệ sinh viên.



- Đã bố trí ông Mai Xuân Khang trình độ Kỹ sư Công nghệ môi trường và ông Nguyễn Ngọc Hương trình độ Kỹ sư bảo hộ lao động làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động chế độ bán chuyên trách theo Quyết định số 192/QĐ-CDN-TCNS ngày 21/3/2022 của Tổng giám đốc.

- Doanh nghiệp ký Hợp đồng hợp tác chuyên môn y tế số 02/TTHT-TAMAN-PDN ngày 22/10/2021 với Công ty TNHH Xây dựng - Y tế Tâm An để thực hiện chăm sóc sức khỏe và phục vụ cấp cứu cho người lao động.

- Doanh nghiệp sử dụng 16 máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (01 xe nâng hàng, 02 cần trục chân đế, 06 cầu trục, 07 dầm tải hàng), đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đạt yêu cầu.

- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động đủ số người theo quy định.

- Đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động, nhưng chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không xảy ra tai nạn lao động.

- Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động, tổng số 140 mẫu, không có mẫu không đạt tiêu chuẩn.

- Doanh nghiệp bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động với mức 20.000 đồng/người/ngày làm việc đối với công nhân lái cầu điện, cầu diezen, công nhân lái máy ủi, máy xúc; mức 13.000/đồng/người/ngày làm việc đối với công nhân làm các vị trí công việc khác. Danh sách cấp phát thẻ hiện doanh nghiệp thực hiện bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật theo tháng.

- Đã bố trí phòng sơ cứu ban đầu cho người lao động tại văn phòng doanh nghiệp có trang bị phương tiện sơ cứu. Tuy nhiên, túi sơ cứu thiếu một số dụng cụ như: panh không máu tẩm lót nilon không thấm nước, garo cao su, nẹp cổ, nẹp cánh tay, nẹp cẳng tay, nẹp đùi, nẹp cẳng chân.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động (đủ các chuyên khoa theo quy định, trong đó lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản, người lao động cao tuổi, lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được khám 06 tháng/lần). Tuy nhiên, hồ sơ sức khỏe không có ảnh và chữ ký người lao động; không ghi thông tin các mục từ 7 - 12 theo Mẫu số 03 Phụ lục số XXIV ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

**11. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (sau đây viết tắt là BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN)**

- Số người thuộc đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 279 người.

- Số người đã tham gia: 279 người; số người chưa tham gia: 0 người.

- Số người không thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 04 (02 người đã nghỉ hưởng chế độ hưu trí, 02 người trong thời



gian thử việc). Đối với người đã hưởng chế độ hưu trí, doanh nghiệp đã chi trả thêm cùng lúc với kỳ trả lương một khoản tiền cho người lao động tương đương với mức người sử dụng lao động đóng BHXH, BHTN, BHYT cho người lao động.

- Số tiền chậm đóng BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN tại thời điểm thanh tra: 0 đồng.

### III. KẾT LUẬN

#### 1. Những quy định của pháp luật về lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

- 1.1. Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động theo quy định.
- 1.2. Đã báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quy định.
- 1.3. Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.
- 1.4. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.
- 1.5. Đã giao kết HĐLĐ đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết HĐLĐ.
- 1.6. Đã trả trợ cấp thôi việc cho 01 người đủ điều kiện hưởng với số tiền là 17.993.000 đồng.
- 1.7. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.
- 1.8. Đã ký TULĐTT ngày 08/4/2022 (thời hạn 03 năm) và gửi TULĐTT đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.
- 1.9. Đã ban hành quy chế dân chủ cơ sở (Quyết định số 1247/QĐ-CĐN-TCNS ngày 19/4/2024 của Tổng giám đốc).
- 1.10. Đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động.
- 1.11. Trả lương cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu; người sử dụng lao động trả các loại phí mở tài khoản và chuyển tiền lương cho người lao động.
- 1.12. Đã trả lương ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương theo quy định.
- 1.13. Đã trả tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm theo quy định.
- 1.14. Đã thanh toán tiền lương những ngày người lao động chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động thôi việc theo quy định
- 1.15. Đã hỗ trợ bữa ăn ca cho người lao động mức 35.000 đồng/người/ngày.
- 1.16. Đã thực hiện các quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ hằng năm, nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.
- 1.17. Huy động người lao động làm thêm giờ đúng quy định.
- 1.18. Đã xây dựng nội quy lao động và đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.
- 1.19. Xử lý kỷ luật lao động đúng trình tự; không phát sinh trường hợp bồi thường trách nhiệm vật chất.
- 1.20. Đã thực hiện một số quy định riêng đối với lao động nữ và lao động là người cao tuổi.



1.21. Đã phân loại lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và lao động làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

1.22. Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động; bố trí 02 người đủ điều kiện làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.

1.23. Đã ký hợp đồng với cơ sở y tế đủ điều kiện để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho người lao động; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động đủ số người và chuyên khoa theo quy định.

1.24. Đã kiểm định kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động 16 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, còn thời hạn sử dụng.

1.25. Hằng năm đã thực hiện quan trắc môi trường lao động.

1.26. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động theo quy định.

1.27. Đã trang bị đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động và lập danh mục theo dõi cấp phát.

1.28. Đã bố trí phòng sơ cứu có trang bị phương tiện sơ cứu tại nơi làm việc.

1.29. Đã tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN cho người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

1.30. Đã trích đóng đủ tiền BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN cho cơ quan BHXH.

## **2. Những quy định của pháp luật về lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ**

2.1. Chưa thông báo tình hình thay đổi lao động định kỳ 06 tháng và hằng năm đến cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.2. Nội dung của HĐLĐ (mục công việc phải làm) ghi “các công việc khác do quản lý trực tiếp (hoặc ban Tổng giám đốc) giao cho trong phạm vi trách nhiệm và năng lực của vị trí” là không đúng quy định tại khoản 8 Điều 3 Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung HĐLĐ, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.3. Hồ sơ tổ chức đối thoại định kỳ không thể hiện các bên có trách nhiệm gửi nội dung đối thoại cho bên tham gia đối thoại trước 05 ngày làm theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.4. Chưa giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động có con nhỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.5. Thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên gồm một số cán bộ lãnh đạo và đội trưởng sản xuất; chưa thỏa thuận với Ban chấp hành công đoàn cơ sở về



mức phụ cấp trách nhiệm cho an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.6. Chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động theo quy định khoản 4 Điều 8 Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.7. Cấp phát bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động theo tháng là không đúng nguyên tắc bồi dưỡng bằng hiện vật phải thực hiện trong ca, ngày làm việc theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 24/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, có hại.

2.8. Túi sơ cứu thiếu một số dụng cụ như: panh không máu, tấm lót nilon không thấm nước, garo cao su, nẹp cổ, nẹp cánh tay, nẹp cẳng tay, nẹp đùi, nẹp cẳng chân quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.

2.9. Hồ sơ sức khỏe không có ảnh và chữ ký người lao động; không ghi thông tin các mục từ 7 - 12 theo Mẫu số 03 Phụ lục số XXIV ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết Luật Khám chữa bệnh.

#### **IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG**

Không.

#### **V. HẠN CHẾ, BẮT CẠP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHÁC PHỤC**

Không.

#### **VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp khắc phục sai phạm nêu tại khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra như sau:

1. Khắc phục các sai phạm nêu tại điểm 2.1 và 2.3 khi có phát sinh.
2. Khắc phục các sai phạm nêu tại điểm 2.2, 2.4, 2.5, 2.6, 2.7, 2.8 và 2.9 trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra.

#### **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Người đại diện theo pháp luật chỉ đạo, tổ chức thực hiện các kiến nghị tại Kết luận thanh tra này và niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.



2. Báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện các kiến nghị nêu tại Mục VI Kết luận thanh tra kèm theo tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 31/12/2024.

3. Giao phòng Giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra thuộc Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo dõi, đôn đốc thực hiện các kiến nghị nêu tại Kết luận thanh tra này; tổng hợp, báo cáo Chánh thanh tra theo quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Sở LĐTBXH tỉnh Đồng Nai (để biết);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA  
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



**Nguyễn Anh Tuấn**



